

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 14/01/2021.

Vụ án “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán:

1. Bà Võ Thị Kim Thương.

2. Ông Nguyễn Đình Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28/10/2020 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án sơ thẩm số 805/2020/HNGĐ-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh bị bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6255/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Quý PT, sinh năm 1987; địa chỉ: B1-04-07 Chung cư A, 523A đường D, tổ 5, khu phố B, phường PL, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 278 đường số F, phường PB, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T - Luật sư của Công ty Luật Pháp QT (có mặt).

Cùng địa chỉ: 634 đường DT, phường TĐ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lại Quốc C, sinh năm 1983; địa chỉ: B1-04-07 Chung cư A, 523A đường D, tổ 5, khu phố B, phường PL, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng CP; địa chỉ: 47 đường H, Phường 3, Thành phố ST, tỉnh ST.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: 62A đường T8, Phường 6, Quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đỗ Quý PT và ông Lại Quốc C sống chung năm 2013, có đăng ký kết hôn số 23/2013 Quyền số I/2013 ngày 11/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã XB, huyện M, tỉnh ĐN.

Bà PT cho rằng mâu thuẫn nhiều nhất từ năm 2014, ông C đã nhiều lần đánh vợ không rõ lý do. Ngày 29 tết năm 2018, ông C đã đánh vợ trong căn hộ chung cư, có Ban quản lý chung cư và gia đình bà PT đến can ngăn, sự việc này đã được lập biên làm việc tại công an phường PL, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, ông C còn nhắn tin đe dọa, gây ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của bà PT. Từ đầu năm 2019, bà đưa con về sống chung với mẹ ruột đến nay. Bà xác định tình cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ, bà yêu cầu được ly hôn với ông Lại Quốc C.

- Về con chung: 01 con chung tên Lại Quốc C1 (sinh ngày 02/4/2014). Bà PT yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

- Về tài sản và nợ chung: Tại đơn khởi kiện, bà PT yêu cầu chia đôi tài sản chung là căn hộ số 4.07, lô B1, Chung cư A1, đường HC, phường PL, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và chia đôi số tiền nợ chung đang thế chấp nhà cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến ngày 21/5/2020, bà PT nộp đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ông Lại Quốc C cho rằng trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Bà PT đi làm sớm, về trễ, không chăm sóc tốt cho chồng con dẫn đến đôi lúc ông bức tức, xảy ra xô xát. Từ khi bà PT đưa con về nhà ngoại, ông đã nhiều lần qua gặp bà PT để cố gắng hàn gắn nhưng bà PT luôn tìm cách tránh né, không cho ông C cơ hội giải hòa. Ông C khẳng định vẫn còn yêu thương vợ con, không muốn gia đình tan vỡ nên không đồng ý ly hôn với bà PT.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà PT cấp dưỡng nuôi con.

Ông C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện hợp pháp Ngân hàng CP là ông Nguyễn Kim Đ trình bày: Xác nhận bà Đỗ Quý PT và ông Lại Quốc C ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số CHCM.HDCN.15319-01 ngày 03/12/2015 để vay số tiền 990.000.000

đồng tại Ngân hàng CP - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích để mua căn hộ số 4.07, lô B1, Chung cư A1, đường HC, phường PL, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 27243/DA do Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM cấp ngày 28/8/2018. Tính đến ngày 23/4/2019, số tiền nợ còn lại là 750.704.243 đồng. Ngân hàng không đồng ý chia đôi nghĩa vụ trả nợ của bà PT, ông C. Sau khi bà PT và ông C trả nợ xong thì Ngân hàng sẽ giải chấp tài sản thế chấp. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập buộc bà PT và ông C phải trả nợ trong vụ án này. Đồng thời, ông Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bản án sơ thẩm số 805/2020/HNGĐ-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu về tài sản chung và nợ chung của bà Đỗ Quý PT.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Quý PT được ly hôn với ông Lại Quốc C.

2.2. Về con chung: Giao con chung tên Lại Quốc C1 cho bà Đỗ Quý PT trực tiếp nuôi dưỡng; ông Lại Quốc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi tháng là 3.000.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 24/9/2020, ông Lại Quốc C nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, xác định kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, ông vẫn làm tròn bốn phần trách nhiệm của người chồng, người cha. Ông xác nhận từ khi bà PT về nhà cha mẹ ruột, ông có về gặp vợ để đoàn tụ nhưng bà PT không cho ông cơ hội và trong khoảng thời gian này ông không cấp dưỡng nuôi con mà chờ phán quyết của Tòa.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn: Cấp sơ thẩm đã xác định mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài và đã cho ly hôn. Xét điều kiện, hoàn cảnh nuôi dạy con, cấp sơ thẩm đã giao con cho bà PT nuôi dưỡng vì ông C hiện làm việc theo ca ở VT không có thời gian dành nhiều cho con. Ông C không có chứng cứ mới, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã

được thực hiện đúng quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của ông Lại Quốc C trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn bộ vụ án về mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi dạy con chung. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn - ông Lại Quốc C làm trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo trong thời hạn, phù hợp với các quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không nghiêm trọng, có khả năng đoàn tụ nhưng hai bên đều xác nhận bà PT đã đưa con về nhà mẹ ruột ở từ tháng 01/2019 và từ khi nộp đơn đến nay nhưng ông C vẫn không có giải pháp đoàn tụ, bà PT xác định tình cảm không còn và cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là xuất phát từ tình yêu của hai bên, việc tiếp tục duy trì hôn nhân khi tình yêu của bà PT dành cho chồng không còn chỉ là sự ràng buộc pháp lý sẽ không mang đến hạnh phúc và ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm sinh lý, sự phát triển, hình thành nhân cách của con. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà PT.

- Về con chung: Xét điều kiện kinh tế ông C, bà PT đều như nhau, cả hai đều hết mực yêu thương con và mong muốn dành sự tốt đẹp nhất cho con. Tuy nhiên, trẻ C1 còn quá nhỏ, cần được sự chăm sóc của cha mẹ và bà PT có thời gian, điều kiện bên cạnh chăm sóc cho con nhiều hơn. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cũng như quyền lợi của trẻ chưa thành niên để giao con chung cho bà PT trực tiếp nuôi nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của trẻ là có cơ sở nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Việc cấp dưỡng và người trực tiếp nuôi con có thể được thay đổi khi có yêu cầu.

Ông C được thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được ngăn cản ông C thực hiện quyền này. Việc trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi vì lợi ích trẻ chưa thành niên.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 273, Điều 293, khoản 1 Điều 308, khoản 6 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 48, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và khoản 01, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lại Quốc C.

2. Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 805/2020/HNGĐ-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

2.1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Quý PT. Bà Đỗ Quý PT được ly hôn với ông Lại Quốc C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/2013 do Ủy ban nhân dân xã XB, huyện M, tỉnh ĐN cấp ngày 11/4/2013 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Bà Đỗ Quý PT được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lại Quốc C1 (sinh ngày 02/4/2014). Ông Lại Quốc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng. Hai bên giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền vào ngày 14 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Lại Quốc C chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho bà Đỗ Quý PT thì ông C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20%/năm trên số tiền phải hoàn trả; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

Ông Lại Quốc C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông C thực hiện quyền này. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà PT có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

Vì lợi ích của trẻ chưa thành niên, một hoặc cả hai đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và nợ chung của bà Đỗ Quý PT.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1.1. Bà Đỗ Quý PT phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.028.530 đồng theo biên lai số AA/2018/0009415 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Đỗ Quý PT 20.728.530 đồng.

4.1.2. Ông Lại Quốc C phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lại Quốc C phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0046700 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C đã nộp đủ án phí.

5. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận E;
- Chi cục THADS Quận E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp